Name: _____

Starters 1 – Test 2 – Listening part 1

Listen and write

He's playing	my friends	cap	Who's
favorite one	on the beach	can	fries
She's eating	Tom's	That's	She's sitting

- Hello Mrs.White! Here's a picture of_____.

  (Đây là bức tranh về những người bạn của cháu)

- Oh yes, they're _____. (À, phải rồi. Họ đang ở bãi biển)

- Yes, they are. There's my friend,Tom. _____ badminton.

  (Vâng. Có bạn của cháu, Tom. Cậu ấy đang chơi cầu lông)

- I _____ see him. I like _____ baseball _____.

  (Cô có thể thấy cậu ấy. Cô thích chiếc mũ lưỡi chai của cậu ấy).

- Yes. it's his _____. (Vâng. Nó là cái yêu thích của cậu ấy)

1. _____ that girl? _____ on the sand. (Cô gái kia là ai? Cô ấy đang ngồi trên cát.)

- _____ my friend, Grace. (Đấy là bạn của cháu, Grace)

- What's Grace doing? (Grace đang làm gì vậy?)

- _____ _____ . She loves them. So do I.

  (Cô ấy đang ăn khoai tây chiên. Cô ấy thích chúng. Cháu cũng vậy)

- Me too! (Cô cũng thế)

2. Look at that boy. He's eating a burger.

- Oh, that's Hugo.

- He's standing in the sea.

- Yes, he is. Hogo loves the sea.

- I love it too.

LIVEWORKSHEETS

Listen and write.

there	Can you see	Is that	Is it	a jellyfish
Who's	she's reading	aliens	in the boat	scary
It's mine	She's sitting	She's	friend	Does he like
It's	looking at	fantastic	an orange dress	

3. _____ my friend, Alice? (Cô có thấy bạn cháu, Alice không?)

- _____ Alice? (Ai là Alice?)
- _____ that girl_____. _____ under the tree.

(Cô ấy là cô gái kia ở đàng kia kìa. Cô ấy đang ngồi dưới cái cây.)

- Oh yes. _____ a book. _____ good?

(À, phải rồi. Cô ấy đang đọc sách. Nó có hay ko?)

- Yes it is._____. It's about_____.

(Có, nó có. Nó là của cháu. Nó nói về những người ngoài hành tinh.)

4. _____ your friend_____, too?

(Kia cũng là bạn cháu trên chiếc thuyền thuyền đúng ko?)

- Mark? Yes! Mark's my _____ . (Mark ấy hả? Vâng. Mark là bạn của cháu.)
- _____ fishing? (Cậu ấy thích câu cá hả?)
- Yes, he does. (Vâng, cậu ấy thích)

5. Is that _____ in the water? They are _____.

(Dưới nước kia có phải là con sứa ko? Chúng đáng sợ quá.)

- Yes it is. _____ really big. (Vâng phải rồi. Nó thực sự rất là to.)
- Jill's _____ it. (Jill đang nhìn nó)
- Oh yes, Jill's wearing _____ .

(Ồ phải rồi. Jill đang mặc 1 chiếc váy màu cam.)

- It's a _____ picture. (Nó là 1 bức ảnh thật tuyệt vời.)

LIVEWORKSHEETS